

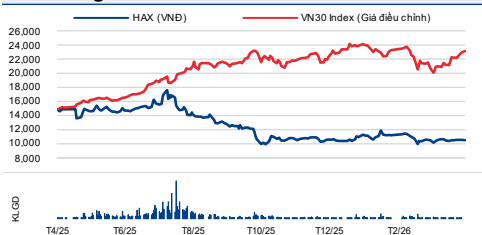
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ11,900
Tiềm năng tăng/giảm: 13.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/4/2026)	10,500
Mã Bloomberg	HAX VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,850-17,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	10,517
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,128
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	42.8
Slg CP lưu hành (tr.đv)	107
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	53.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	46.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.05%
Tỷ lệ freefloat	64.9%
Cổ đông lớn	Tiền Dũng và gia đình (35.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	4,651	6,815	9,764
EBITDA đc (tỷ đồng)	161	221	334
LNTT (tỷ đồng)	56.0	154	269
LNT ĐC (tỷ đồng)	5.62	92.5	169
FCF (tỷ đồng)	(566)	407	(19.6)
EPS ĐC (đồng)	52.3	861	1,577
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	12,734	13,094	13,671
T.trưởng EBITDA (%)	(52.3)	37.6	51.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	(95.5)	1,545	83.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.46	3.25	3.42
Tỷ suất LNTT (%)	1.20	2.26	2.76
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.12	1.36	1.74
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	58.1	63.4
Nợ thuần/VCSH (%)	81.5	50.4	64.5
ROAE (%)	0.49	8.26	14.5
ROACE (%)	6.44	14.2	21.3
EV/doanh thu (lần)	0.43	0.24	0.19
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.3	7.43	5.45
P/E ĐC (lần)	201	12.2	6.66
P/B (lần)	0.82	0.80	0.77
Lợi suất cổ tức (%)	0	4.76	9.52

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HAX là nhà phân phối của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và gần đây đã mở rộng phân phối cho một số thương hiệu khác như Nissan và MG.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q1/2026: Lợi nhuận kém tích cực; thấp hơn đáng kể so với dự báo

- HAX đã công bố KQKD Q1/2026 thấp hơn kỳ vọng với lợi nhuận thuần chỉ đạt 5 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ (và giảm 85% so với quý trước), thấp hơn đáng kể so với dự báo thận trọng của HSC là 15 tỷ đồng, do lợi nhuận từ mảng phân phối xe Mercedes cốt lõi bị ảnh hưởng bởi hoạt động giải phóng hàng tồn kho trong mùa lễ, trong khi mảng phân phối xe MG chịu áp lực cạnh tranh mang tính cơ cấu từ xe xăng.
- Viet Future Group (VFG) đã được hợp nhất từ ngày 28/3/2026 và được kỳ vọng sẽ đóng góp nhiều hơn từ Q2/2026, giúp bù đắp cho sự suy yếu của các mảng xe xăng truyền thống.
- Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, HAX đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,9 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2019 ở mức 24,3 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu đối với HAX.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

KQKD Q1/2026 của HAX thấp hơn dự báo thận trọng của HSC. Trong quý, doanh thu thuần đạt 1.097 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ nhưng giảm 28% so với quý trước) trong khi lợi nhuận thuần đạt 5 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và 85% so với quý trước, thấp hơn so với dự báo 15 tỷ đồng của chúng tôi cho quý này.

Với KQKD thấp hơn kỳ vọng trong Q1/2026 và tỷ lệ hợp nhất VFG ở mức 65% (thấp hơn so với giả định 85% của chúng tôi), HSC đang xem xét lại các dự báo của mình. Chi tiết như sau:

Mercedes: Sản lượng tiêu thụ tăng 12% nhờ đẩy mạnh xả hàng tồn kho

Trong Q1/2026, công ty mẹ HAX – đơn vị nắm giữ mảng phân phối xe Mercedes cốt lõi – ghi nhận doanh thu thuần đạt 520 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ nhưng giảm 41% so với quý trước do yếu tố mùa vụ) và lợi nhuận thuần chỉ đạt 2 tỷ đồng (giảm 87% so với cùng kỳ và 93% so với quý trước). Tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q1/2026 giảm xuống mức 5,7% từ 6,9% trong Q1/2025 và 7,4% trong Q4/2025, trong khi tỷ suất LNTT giảm xuống mức 0,5% từ 3,9% trong Q1/2025 và 3,8% trong Q4/2025.

HSC ước tính sản lượng tiêu thụ xe Mercedes trong Q1/2026 tăng 12% đạt 550 xe, nhưng giảm 29% so với quý trước chủ yếu do kỳ nghỉ Tết kéo dài. Tăng trưởng so với cùng kỳ đạt được là nhờ đánh đổi bằng khả năng sinh lời khi HAX tiếp tục xả hàng tồn kho lâu ngày thông qua giảm giá sâu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2024, HAX

Lợi nhuận thuần đạt 5 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ, thấp hơn đáng kể so với dự báo của HSC là 15 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q1/25	Q4/25	Q1/26	svck	svqt	HSC dự báo	% hoàn thành
Doanh thu thuần	959	1,513	1,097	14.5%	-27.5%	6,815	16.1%
Lợi nhuận gộp	94	110	73	-21.6%	-33.2%	650	11.3%
LNTT	23	40	20	-11.4%	-49.6%	154	13.1%
LNST	17	38	15	-7.5%	-59.9%	123	12.4%
Lợi nhuận thuần	5	33	5	-5.7%	-85.3%	92	5.2%
Tỷ suất LN gộp	9.8%	7.3%	6.7%			9.5%	
Tỷ suất LNTT	2.4%	2.6%	1.8%			2.3%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	0.5%	2.2%	0.4%			1.4%	

: HAX, HSC

Mặc dù lượng hàng tồn kho dư thừa đang dần được xử lý nhưng chúng tôi lưu ý rằng phân khúc xe sang đang đối mặt thêm các yếu tố bất lợi từ khủng hoảng năng lượng tại Trung Đông như chi phí nhiên liệu tăng và bất ổn vĩ mô ảnh hưởng mạnh đến nhu cầu mua sắm các sản phẩm giá trị cao. Trong bối cảnh Việt Nam, phân khúc xe sang mà Mercedes đang hoạt động phải cạnh tranh với dòng xe cao cấp của VinFast (VF 8, VF 9) đang cải thiện nhanh chóng, với lợi thế miễn phí trước bạ và không chịu chi phí nhiên liệu.

MG: Sản lượng tiêu thụ giảm 38% so với cùng kỳ và 36% so với quý trước

Trong Q1/2026, các công ty con của HAX – chủ yếu là mảng phân phối xe MG thông qua công ty con PTM (HAX sở hữu 51,6% cổ phần; chưa khuyến nghị) – ghi nhận doanh thu thuần đạt 577 tỷ đồng (tăng 17% so với cùng kỳ nhưng giảm 10% so với quý trước) và LNST đạt 13 tỷ đồng, cải thiện so với mức lỗ 1 tỷ đồng trong Q1/2025 và tăng 172% so với quý trước.

Trong Q1/2026, HSC ước tính sản lượng tiêu thụ xe MG giảm 38% so với cùng kỳ xuống 1.509 xe (và giảm 36% so với quý trước). Chúng tôi cho rằng sự suy giảm này chủ yếu đến từ hai yếu tố bất lợi đang diễn ra đồng thời: (1) môi trường chính sách ngày càng siết chặt đối với xe xăng, bao gồm cơ chế thuế TTDB sửa đổi có hiệu lực từ tháng 1/2026 làm gia tăng chênh lệch thuế giữa xe xăng và các dòng xe điện/hybrid, cùng với thời hạn áp dụng khu vực phát thải thấp tại Hà Nội từ tháng 7/2026; và (2) khủng hoảng năng lượng do xung đột Trung Đông trong tháng 3/2026, qua đó thúc đẩy thị hiếu người tiêu dùng và chính sách nghiêng về xe điện, đồng thời làm suy giảm nhu cầu đối với các thương hiệu chỉ cung cấp xe xăng và thiếu lựa chọn hybrid hoặc xe điện.

HAX hiện đang vận hành 18 showroom MG trên toàn quốc (so với 12 showroom tại thời điểm cuối năm 2024), trong đó có 10 showroom đạt tiêu chuẩn toàn cầu của MG.

VFG: Đóng góp rõ nét hơn từ Q2/2026

HAX đã hợp nhất Viet Future Group (mảng phân phối xe VinFast; công ty tư nhân/chưa niêm yết) với tỷ lệ sở hữu 65% từ ngày 28/3/2026, thấp hơn so với dự báo trước đó của HSC là 85%. Tỷ lệ sở hữu thấp hơn kỳ vọng khiến đóng góp vào lợi nhuận hợp nhất trong ngắn hạn bị giảm, theo đó chúng tôi đang điều chỉnh lại dự báo tương ứng năm 2026. Như đã đề cập, chúng tôi giả định mạng lưới showroom của VFG sẽ mở rộng lên 12 showroom (so với 6 showroom tại thời điểm cuối năm 2025), tạo ra LNNT 75 tỷ đồng trong năm 2026.

Việc chuyển dịch sang mảng phân phối xe VinFast được kỳ vọng sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh cho HAX từ Q2/2026 trở đi, trong bối cảnh thị trường xe xăng kém tích cực. Động lực này được hỗ trợ nhờ thị phần của VinFast tiếp tục gia tăng (đạt mức 29% trong năm 2025). HSC dự báo sản lượng tiêu thụ xe VinFast sẽ tăng trưởng 50% đạt 262.649 xe trong năm 2026.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, HAX đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,9 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2019 ở mức 24,3 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với HAX với giá mục tiêu 11.900đ (tiềm năng tăng giá 13%).

Đóng góp từ mảng phân phối xe VinFast của HAX thấp hơn kỳ vọng. Theo đó, chúng tôi đang xem xét lại các dự báo.

Bảng 2: KQKD của Công ty mẹ Q1/2026 (mảng kinh doanh Mercedes, HAX)

LNST Q1/2026 của Công ty mẹ giảm 87% so với cùng kỳ xuống mức 2 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q1/25	Q4/25	Q1/26	svck	svqt
Doanh thu thuần	467	875	520	11.4%	-40.5%
Lợi nhuận gộp	32	65	30	-8.2%	-54.2%
Chi phí BH&QL	-29	-35	-30	3.0%	-14.3%
EBIT	3	30	0	-106.9%	-100.8%
Lãi/lỗ HĐ tài chính	12	-1	-9	-173.9%	1712.8%
Thu nhập thuần khác	3	3	12	366.4%	309.4%
LNTT	18	34	3	-84.4%	-91.5%
LNST	18	33	2	-87.3%	-93.2%
<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp</i>	<i>6.9%</i>	<i>7.4%</i>	<i>5.7%</i>		
<i>Tỷ suất LNTT</i>	<i>3.9%</i>	<i>3.8%</i>	<i>0.5%</i>		

Nguồn: HAX, HSC

Bảng 3: KQKD của công ty con (chủ yếu là MG) trong Q1/2026, HAX

LNST Q1/2026 của các công ty con đảo chiều đạt 13 tỷ đồng từ mức lỗ 1 tỷ đồng trong Q1/2025 và tăng 172% so với quý trước

Tỷ đồng	Q1/25	Q4/25	Q1/26	svck	svqt
Doanh thu thuần	492	639	577	17.4%	-9.7%
Lợi nhuận gộp	61	45	44	-28.7%	-3.1%
Chi phí BH&QL	-55	-50	-55	-1.6%	10.0%
EBIT	6	-4	-11	-283.9%	142.9%
Lãi/lỗ HĐ tài chính	-18	-5	4	-120.4%	-173.0%
Thu nhập thuần khác	16	19	11	-33.2%	-42.5%
LNTT	5	6	17	278.4%	168.2%
LNST	-1	5	13	-1085.8%	172.2%
<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp</i>	<i>12.5%</i>	<i>7.1%</i>	<i>7.6%</i>		
<i>Tỷ suất LNTT</i>	<i>0.9%</i>	<i>1.0%</i>	<i>3.0%</i>		

Nguồn: HAX, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	5,513	4,651	6,815	9,764	11,301
Lợi nhuận gộp	512	355	650	883	980
Chi phí BH&QL	(312)	(358)	(470)	(596)	(687)
Thu nhập khác	80.7	97.8	85.2	92.8	102
Chi phí khác	(0.37)	(2.33)	(68.2)	(73.2)	(56.5)
EBIT	280	92.2	197	306	339
Lãi vay thuần	(22.1)	(36.1)	(43.2)	(37.2)	(41.3)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	258	56.0	154	269	297
Chi phí thuế TNDN	(54.8)	(17.0)	(30.8)	(53.8)	(59.5)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(78.6)	(33.5)	(30.8)	(46.0)	(50.1)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	125	5.62	92.5	169	188
Lợi nhuận thuần ĐC	125	5.62	92.5	169	188
EBITDA ĐC	337	161	221	334	370
EPS (đồng)	1,163	52.3	861	1,577	1,748
EPS ĐC (đồng)	1,163	52.3	861	1,577	1,748
DPS (đồng)	1,000	0	500	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	107	107	107	107	107
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	107	107	107	107	107
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	107	107	107	107	107

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	262	93.4	164	88.5	126
Đầu tư ngắn hạn	3.00	11.0	11.0	11.0	11.0
Phải thu khách hàng	340	354	409	586	678
Hàng tồn kho	661	1,457	1,022	976	904
Các tài sản ngắn hạn khác	49.8	66.7	97.8	140	162
Tổng tài sản ngắn hạn	1,316	1,982	1,704	1,802	1,882
TSCĐ hữu hình	449	328	390	460	530
TSCĐ vô hình	10.7	37.1	37.0	36.9	36.8
Bất động sản đầu tư	542	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1.86	30.5	30.5	30.5	30.5
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	89.7	99.2	112	160	185
Tổng tài sản dài hạn	1,093	495	569	687	782
Tổng cộng tài sản	2,409	2,477	2,273	2,489	2,664
Nợ ngắn hạn	670	951	682	781	848
Phải trả người bán	99.3	61.2	68.2	97.6	113
Nợ ngắn hạn khác	39.4	35.5	37.9	37.9	37.9
Tổng nợ ngắn hạn	917	1,108	866	1,020	1,114
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.34	0.35	0.35	0.35	0.35
Nợ dài hạn khác	0.20	0.20	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.54	0.55	0.35	0.35	0.35
Tổng nợ phải trả	918	1,109	867	1,020	1,115
Vốn chủ sở hữu	1,203	1,100	1,138	1,200	1,281
Lợi ích cổ đông thiểu số	287	268	268	268	268
Tổng vốn chủ sở hữu	1,491	1,368	1,407	1,469	1,549
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,409	2,477	2,273	2,489	2,664
BVPS (đ)	13,875	12,734	13,094	13,671	14,419
Nợ thuần*/(tiền mặt)	408	857	517	693	721

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	280	92.2	197	306	339
Khấu hao	(56.6)	(68.8)	(24.1)	(27.9)	(31.8)
Lãi vay thuần	(22.1)	(36.1)	(43.2)	(37.2)	(41.3)
Thuế TNDN đã nộp	(20.2)	(45.3)	(30.8)	(53.8)	(59.5)
Thay đổi vốn lưu động	80.6	(374)	404	(77.0)	8.21
Khác	(0.24)	(1.15)	(57.2)	(84.4)	(67.6)
LCT thuần từ HĐKD	367	(311)	492	78.0	206
Đầu tư TS dài hạn	(371)	(255)	(85.2)	(97.6)	(102)
Góp vốn & đầu tư	(3.00)	(8.00)	0	0	0
Thanh lý	210	254	0	0	0
Khác	0.70	1.35	(12.6)	(48.4)	(25.2)
LCT thuần từ HĐĐT	(164)	(7.89)	(97.8)	(146)	(127)
Cổ tức trả cho CSH	(31.5)	(130)	(53.7)	(107)	(107)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(29.9)	281	(269)	99.6	66.5
Khác	0	0	(0.20)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(61.4)	151	(323)	(7.88)	(41.0)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	120	262	93.5	164	88.5
LCT thuần trong kỳ	142	(168)	70.9	(75.9)	37.8
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	262	93.5	164	88.5	126
Dòng tiền tự do	(4.33)	(566)	407	(19.6)	104

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.29	7.63	9.54	9.04	8.67
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	6.11	3.46	3.25	3.42	3.28
Tỷ suất LNT (%)	2.27	0.12	1.36	1.74	1.66
Thuế TNDN hiện hành (%)	21.2	30.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	38.5	(15.6)	46.6	43.3	15.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	211	(52.3)	37.6	51.0	10.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	261	(95.5)	1,545	83.2	10.8
Tăng trưởng EPS (%)	214	(95.5)	1,545	83.2	10.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	214	(95.5)	1,545	83.2	10.8
Tăng trưởng DPS (%)	233	(100)	nm	100	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	86.0	0	58.1	63.4	57.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	10.8	0.49	8.26	14.5	15.1
ROACE (%)	21.1	6.44	14.2	21.3	22.4
Vòng quay tài sản (lần)	2.50	1.90	2.87	4.10	4.39
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.31	(3.38)	2.49	0.25	0.61
Số ngày tồn kho	48.2	124	60.5	40.1	32.0
Số ngày phải thu	24.8	30.0	24.2	24.1	24.0
Số ngày phải trả	7.25	5.20	4.04	4.01	4.00
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	39.2	81.5	50.4	64.5	63.7
Nợ/tài sản (%)	30.4	39.9	32.5	34.6	35.3
EBIT/lãi vay (lần)	12.7	2.55	4.57	8.23	8.20
Nợ/EBITDA (lần)	2.17	6.15	3.34	2.58	2.54
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.43	1.79	1.97	1.77	1.69
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.28	0.43	0.24	0.19	0.16
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.56	12.3	7.43	5.45	4.99
P/E (lần)	9.03	201	12.2	6.66	6.01
P/E ĐC (lần)	9.03	201	12.2	6.66	6.01
P/B (lần)	0.76	0.82	0.80	0.77	0.73
Lợi suất cổ tức (%)	9.52	0	4.76	9.52	9.52

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn